

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH
Bản án số: 160/2024/DS-PT
Ngày: 29-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà

Ông Phan Minh Dũng

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 126/2024/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Ngô Thị N**, sinh năm: 1979; cư trú tại: **Thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định**. có mặt

*Đại diện theo ủy quyền của bà **Ngô Thị N**:* Ông **Trần Hữu K**, sinh năm 1973, cư trú tại: **Thôn A, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định**. có mặt

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1972 và bà **Nguyễn Thị Bích T1**, sinh năm 1985; cùng cư trú tại: **Thôn H, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định** (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông **Nguyễn Thanh T** và bà **Nguyễn Thị Bích T1**, là bị đơn trong vụ án

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản khai và các lời khai tiếp theo của bà **Ngô Thị N** trình bày:

Ngày 04/5/2022 bà cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích T1 vay 600.000.000 đồng, thời hạn vay 03 năm, với lãi suất theo thỏa thuận là 02%/tháng và tiền lãi thanh toán theo hàng tháng. Khi vợ chồng ông Tú bà T2 có giao cho bà nhận bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H03980 ngày 22/5/2008 của Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn và ký hợp đồng thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công chứng tại Văn phòng C số 2656, quyền sử dụng số 287, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.584m² (trong đó có: 200m² đất ở và 1.384m² đất trồng cây lâu năm) tại thôn H, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định nhưng không đi đăng ký thế chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Hiện tại thửa đất số 287 vẫn do vợ chồng ông Tú bà T2 quản lý sử dụng từ trước cho đến nay, bà chỉ giữ bản chính GCNQSDĐ. Kể từ ngày cho vay ngày 04/5/2022 cho đến nay, vợ chồng ông Tú bà T2 chưa lần nào trả lãi cho bà, mặc cho bà đã nhiều lần đòi nợ nhưng vẫn không chịu trả. Còn việc vợ chồng ông Tú b T2 khai đã trả tiền lãi cho bà từ tháng 5/2022 đến tháng 10/2022, mỗi tháng 12.000.000 đồng là không đúng sự thật. Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy bỏ hợp đồng vay tài sản giữa bà và vợ chồng ông Tú bà T2, buộc vợ chồng ông Tú b T2 phải trả lại cho bà 600.000.000 đồng tiền vốn và phải trả tiền lãi cho bà của số tiền 600.000.000 đồng, với mức lãi suất 10%, thời gian tính từ ngày 04/5/2022 cho đến nay. Khi nào vợ chồng ông Tú bà T2 trả xong tiền vốn và tiền lãi cho bà thì bà sẽ giao lại GCNQSDĐ cho vợ chồng ông Tú bà T2. Ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản khai và các lời khai tiếp theo bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích T1 trình bày:

Ngày 04/5/2022, vợ chồng ông bà có vay của bà N 600.000.000 đồng, thời hạn vay 03 năm, lãi suất theo thỏa thuận là 2%/tháng và tiền lãi thanh toán theo hàng tháng. Để đảm bảo cho khoản vay trên vợ chồng có thể chấp cho bà N QSDĐ thửa đất số 287, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.584m² (Trong đó có: 200m² đất ở và 1.384m² đất trồng cây lâu năm) tại thôn H, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định. Theo hợp đồng thế chấp QSDĐ, công chứng tại Văn phòng C số 2656, quyền số: 01/2022 quản lý sử dụng từ trước cho đến nay, bà N chỉ giữ bản chính GNCQSDĐ. Từ tháng 5/2022 đến tháng 10/2022 vợ chồng ông bà đã trả tiền lãi cho bà N mỗi tháng 12.000.000 đồng nên không viết giấy nên nay không có chứng từ nào cung cấp cho Tòa án để làm chứng cứ, chứng minh. Từ tháng 5/2022 cho đến nay do hết khả năng trả nợ nên vợ chồng ông bà không trả được tiền lãi cho bà N nữa. Vợ chồng ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N, vì chưa hết thời hạn vay, vợ chồng chỉ chấp nhận sẽ trả tiền lãi cho bà N kể từ tháng 10/2022 cho đến nay.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2024/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hủy bỏ hợp đồng vay tài sản giữa bà Ngô Thị N và vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích Trọng

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích T1 phải trả cho bà Ngô Thị N 600.000.000 đồng tiền vốn và 25.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 625.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng)

Buộc bà Ngô Thị N phải giao trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích T1 bản chính GCNQSDĐ số: H03980 ngày 22/5/2008 của UBND huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần án phí dân sự, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích T1 kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 126/2024/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã H. tỉnh Bình Định. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án dân sự sơ thẩm số 126/2024/DS – ST ngày 11/4/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Sửa bản án sơ thẩm 126/2024/DS – ST ngày 11/4/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định theo hướng hủy hợp đồng vay tài sản và hủy hợp đồng thế chấp số 2656 ngày 04/5/2022 của Văn phòng C.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích T1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng hủy hợp đồng thế chấp số 2656 quyền số 01/2022TP/CSCC/HĐGD ngày 04/5/2022 của Văn phòng C. Các phần còn lại của bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX phúc thẩm nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Bích T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích T1, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp số 2656 quyền số: 01/2022TP/CSCC/HĐGD ngày 04/5/2022 của Văn phòng C

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích T1 có đơn xin xét xử vắng mặt còn nguyên đơn bà Ngô Thị N cũng đồng ý thống nhất như một phần đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Bích T1 về việc yêu cầu hủy bỏ hợp đồng thế chấp số 2656 quyền số 01/2022TP/CSCC/HĐGD ngày 04/5/2022 của Văn phòng C và bà Ngô Thị N cũng đồng ý thống nhất trả lại bản chính GCNQSDĐ số: H03980 ngày 22/5/2008 của UBND huyện (nay là thị xã H) cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Bích T1. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự. Hủy bỏ hợp đồng thế chấp số 2656 quyền số 01/2022TP/CSCC/HĐGD ngày 04/5/2022 của Văn phòng C và buộc bà Ngô Thị N trả lại bản chính GCNQSDĐ số: H03980 ngày 22/5/2008 của UBND huyện (nay là thị xã H) cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Bích T1, tại thửa đất số 287, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.584m² (trong đó 200m² đất ở và 1384m² đất trồng cây lâu năm), tại thôn H, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định. Vì khi hai bên ký kết hợp đồng thế chấp QSDĐ trên nhưng không đi đăng ký thế chấp tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, hiện tại thửa đất số 287 vẫn do vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Bích T1 quản lý sử dụng, bà Ngô Thị N chỉ giữ bản chính GCNQSDĐ. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Bích T1 về việc yêu cầu hủy bỏ hợp đồng thế chấp số 2656 quyền số 01/2022TP/CSCC/HĐGD ngày 04/5/2022 của Văn phòng C. Nên sửa bản án sơ thẩm về phần này.

[2.2] Đối với hợp đồng vay tài sản:

Ngày 04/5/2022 bà cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích T1 vay 600.000.000 đồng, thời hạn vay 03 năm, lãi suất theo thỏa thuận là 02%/tháng và tiền lãi thanh toán theo hàng tháng. Vợ chồng ông Tú bà T2 giao cho bà N giữ lấy bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H03980 ngày 22/5/2008 của Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn. Để đảm bảo cho khoản vay trên vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích T1 và bà N ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, công chứng tại Văn phòng C số 2656 quyền số 01/2022TP/CSCC/HĐGD ngày 04/5/2022. Tài sản thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 287, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.584m² (trong đó 200m² đất ở và 1384m² đất trồng cây lâu năm), tại thôn H, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Về tiền vốn cho vay là 600.000.000 đồng hiện vợ chồng ông Tú bà **T1** còn nợ chưa trả cho bà **N**.

Về Lãi suất theo thỏa thuận là 02%/tháng (tương đương 24%/năm) là vượt quá mức lãi suất giới hạn theo quy định, nhưng nay bà **N** yêu cầu Tòa án giải quyết, vợ chồng ông Tú bà **T1** phải trả cho bà với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

Về thời gian tính lãi: **Bà N1** yêu cầu vợ chồng ông Tú bà **T1** phải trả lãi cho bà kể từ ngày cho vay cho đến nay (là từ ngày 04/5/2022 đến ngày 11/4/2024), vì kể từ ngày cho vay đến nay, vợ chồng ông **Tú bà T2** chưa lần nào trả lãi cho bà, mặc cho bà đã nhiều lần đòi nợ nhưng vẫn không chịu trả. Còn yêu cầu của vợ chồng ông Tú bà **T2** thì vợ chồng đã trả lãi cho bà **N1** từ tháng 5/2022 đến tháng 10/2022 mỗi tháng trả 12.000.000 đồng, chỉ từ tháng 10/2022 cho đến nay do hết khả năng trả nợ nên không trả được tiền lãi. Yêu cầu này của vợ chồng ông Tú bà **T2** không được bà **N1** chấp nhận và vợ chồng ông Tú bà **T2** cũng không có chứng từ nào cung cấp cho Tòa án để làm chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ.

Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, về tiền lãi bà **N1** đồng ý cho bớt vợ chồng ông Tú bà Trọng một phần, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết vợ chồng ông Tú bà **T2** phải trả tiền lãi cho bà của số tiền vốn 600.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm, thời gian tính tiền lãi kể từ ngày 02/11/2023 cho đến nay là ngày 11/4/2024 (chỉ tính 05 tháng). Số tiền lãi sẽ là $(600.000.000 \text{ đồng} \times 10\% : 12) \times 05 = 25.000.000 \text{ đồng}$.

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, rõ ràng vợ chồng ông **Tú bà T2** không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán tiền lãi, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà **N1**, do đó Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà **N1**, giải quyết hủy bỏ hợp đồng vay tài sản giữa bà **N1** và vợ chồng ông **Tú bà T2**, buộc vợ chồng ông **Tú bT2** phải trả lại cho bà **N1** 600.000.000 đồng tiền vốn và 25.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 625.000.000 đồng là có căn cứ và đúng theo quy định tại Điều 425 và 427 Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vợ chồng ông **Nguyễn Thanh T**, bà **Nguyễn Thị Bích T1** không đưa ra các tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình về phần hợp đồng vay tài sản. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của vợ chồng ông **Nguyễn Thanh T**, bà **Nguyễn Thị Bích T1** về phần Hợp đồng vay tài sản. Nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm về phần hợp đồng vay tài sản là phù hợp.

[3] Về phần án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì vợ chồng ông **Nguyễn Thanh T**, bà **Nguyễn Thị Bích T1** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích T 1300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006431 ngày 09/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX. Nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 148, khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 425, Điều 427, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích T 1

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm: 126/2024/DS-ST ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị N. Hủy bỏ Hợp đồng vay tài sản giữa bà Ngô Thị N và vợ chồng ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Bích T 1.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích T 1 phải trả cho bà Ngô Thị N 600.000.000 đồng tiền vốn và 25.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 625.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm triệu đồng)

Hủy bỏ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2656 quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/5/2022 của Văn phòng C.

Buộc bà Ngô Thị N phải giao trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích T 1 bản chính GCNQSDĐ số: H03980 ngày 22/5/2008 của UBND huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn.

2. Về Án phí:

2.1 Án phí Dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Bích T 1 phải chịu 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho bà **Ngô Thị N** 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0005857 ngày 02/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Vợ chồng ông **Nguyễn Thanh T** và bà **Nguyễn Thị Bích T1** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho vợ chồng ông **Nguyễn Thanh T** và bà **Nguyễn Thị Bích T1** 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006431 ngày 09/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Quyền và nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong) bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã Hoài Nhơn;
- CCTHADS thị xã Hoài Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tuấn

THÀNH VIÊN HĐXX THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Văn Hà Phan Minh Dũng Nguyễn Thanh Tuấn

